

CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI AN THÁI BÌNH
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI AN THÁI BÌNH

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: MANUFACTURING AND TRADING COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: ATB M&T CO., LTD

2. Mã số doanh nghiệp: 0109559854

3. Ngày thành lập: 19/03/2021

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Thôn Đặng Giang, Xã Hòa Phú, Huyện Ứng Hoà, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 097 892 8962

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Xây dựng nhà để ở	4101
2.	Xây dựng nhà không để ở	4102
3.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
4.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
5.	Xây dựng công trình điện	4221
6.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
7.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
8.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
9.	Xây dựng công trình thủy	4291
10.	Xây dựng công trình khai khoáng	4292
11.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
12.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
13.	Phá dỡ	4311
14.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
15.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
16.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
17.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
18.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
19.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
20.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác (Trừ hoạt động đấu giá)	4511

21.	Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống) (Trừ hoạt động đầu giá)	4512
22.	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác (Trừ hoạt động đầu giá)	4513
23.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520
24.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác (Trừ hoạt động đầu giá)	4530
25.	Đại lý, môi giới, đầu giá hàng hóa Chi tiết: Đại lý bán hàng hóa Môi giới mua bán hàng hóa (Trừ hoạt động đầu giá hàng hóa, môi giới bảo hiểm, chứng khoán)	4610
26.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống (Trừ loại nhà nước cấm)	4620
27.	Bán buôn thực phẩm	4632
28.	Bán buôn đồ uống	4633
29.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	4641
30.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: Bán buôn dược phẩm và dụng cụ y tế; Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh; Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh; Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện; Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự; Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm; Bán buôn dụng cụ thể dục, thể thao; Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình chưa được phân vào đâu như Bán buôn đồ kim chỉ: Kim, chỉ khâu...; Bán buôn ô dù; Bán buôn dao, kéo; Bán buôn xe đạp và phụ tùng xe đạp; Bán buôn sản phẩm quang học và chụp ảnh (ví dụ: Kính râm, ống nhòm, kính lúp); Bán buôn băng, đĩa CD, DVD đã ghi âm thanh, hình ảnh; Bán buôn đồng hồ đeo tay, đồng hồ treo tường và đồ trang sức; Bán buôn nhạc cụ, sản phẩm đồ chơi, sản phẩm trò chơi.	4649
31.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
32.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
33.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653

34.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện) Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy dệt, may, da giày Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi) Bán buôn máy móc, thiết bị y tế Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác chưa được phân vào đâu Bán buôn máy móc, thiết bị văn phòng, trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi; Bán buôn bàn, ghế, tủ văn phòng; Bán buôn phương tiện vận tải trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe đạp; Bán buôn người máy thuộc dây chuyền sản xuất tự động; Bán buôn dây điện, công tắc và thiết bị lắp đặt khác cho mục đích công nghiệp; Bán buôn vật liệu điện khác như động cơ điện, máy biến thế; Bán buôn các loại máy công cụ, dùng cho mọi loại vật liệu; Bán buôn máy móc, thiết bị khác chưa được phân vào đâu để sử dụng cho sản xuất công nghiệp, thương mại, hàng hải và dịch vụ khác; Bán buôn máy công cụ điều khiển bằng máy vi tính; Bán buôn máy móc được điều khiển bằng máy vi tính cho công nghiệp dệt, may; Bán buôn thiết bị và dụng cụ đo lường.	4659
35.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan	4661
36.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại	4662
37.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
38.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu	4669
39.	Bán buôn tổng hợp (trừ loại nhà nước cấm)	4690
40.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
41.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723
42.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
43.	Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh	4742
44.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
45.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện trong các cửa hàng chuyên doanh như nồi cơm điện, ấm đun điện, phích điện, quạt, tủ lạnh, máy giặt, kiểu lò nướng, tủ sấy bát bếp, đèn và bộ đèn điện....	4759(Chính)
46.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh	4772

47.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh	4773
48.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc Lào lưu động hoặc tại chợ	4781
49.	Bán lẻ thiết bị gia đình khác lưu động hoặc tại chợ Chi tiết: Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu lưu động hoặc tại chợ	4784
50.	Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu (Trừ hoạt động đấu giá)	4799
51.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt) Chi tiết: Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe ô tô theo tuyến cố định	4931
52.	Vận tải hành khách đường bộ khác Chi tiết: Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe ô tô theo tuyến cố định; Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe taxi; Kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng; Kinh doanh vận tải khách du lịch bằng xe ô tô	4932
53.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ Chi tiết: Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô	4933
54.	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa	5022
55.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
56.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt Chi tiết: Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô	5221
57.	Bốc xếp hàng hóa	5224
58.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ	5225
59.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải Chi tiết: Dịch vụ đại lý, giao nhận vận chuyển Logistics	5229
60.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
61.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động (Không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát Karaoke, vũ trường)5621	5610
62.	Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính (Không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính)	6202
63.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Chi tiết: Dịch vụ môi giới bất động sản Dịch vụ sàn giao dịch bất động sản Dịch vụ tư vấn bất động sản Dịch vụ quản lý bất động sản	6820

64.	Hoạt động tư vấn quản lý (Không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính, thuế, kiểm toán, kế toán, chứng khoán)	7020
65.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: Hoạt động đo đạc và bản đồ Hoạt động thăm dò địa chất, nguồn nước	7110
66.	Quảng cáo (Trừ quảng cáo thuốc lá)	7310
67.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận	7320
68.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng	7410
69.	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu Loại trừ: Hoạt động của những nhà báo độc lập; Thanh toán hối phiếu và hong tin tỷ lệ lượng; tư vấn chứng khoán; Hoạt động thu hồi nợ	7490
70.	Cho thuê xe có động cơ	7710
71.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển Chi tiết: Cho thuê máy móc, thiết bị nông, lâm nghiệp không kèm người điều khiển Cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng không kèm người điều khiển Cho thuê máy móc, thiết bị văn phòng (kể cả máy vi tính) không kèm người điều khiển	7730
72.	Cho thuê tài sản vô hình phi tài chính	7740
73.	Điều hành tua du lịch	7912
74.	Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7990
75.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại (Loại trừ hoạt động hợp báo)	8230
76.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh	8299
77.	Đào tạo sơ cấp	8531
78.	Đào tạo trung cấp	8532
79.	Đào tạo cao đẳng	8533
80.	Giáo dục khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Giáo dục không xác định theo cấp độ tại các trung tâm đào tạo bồi dưỡng; - Các dịch vụ dạy kèm (gia sư); - Giáo dục dự bị; - Các trung tâm dạy học có các khoá học dành cho học sinh yếu kém; - Các khoá dạy về phê bình, đánh giá chuyên môn; - Dạy ngoại ngữ và dạy kỹ năng đàm thoại; - Đào tạo tự vệ; - Đào tạo về sự sống; - Đào tạo kỹ năng nói trước công chúng; - Dạy máy tính	8559
81.	Dịch vụ hỗ trợ giáo dục	8560

82.	Hoạt động sáng tác, nghệ thuật và giải trí (Trừ hoạt động của các nhà báo độc lập)	9000
83.	Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu	9329
84.	Sửa chữa thiết bị, đồ dùng gia đình	9522
85.	Sửa chữa giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự	9524
86.	Dịch vụ tắm hơi, massage và các dịch vụ tăng cường sức khỏe tương tự (trừ hoạt động thể thao)	9610
87.	Trồng lúa	0111
88.	Trồng ngô và cây lương thực có hạt khác	0112
89.	Trồng cây lấy củ có chất bột	0113
90.	Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa	0118
91.	Trồng cây hàng năm khác	0119
92.	Trồng cây ăn quả	0121
93.	Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp	0150
94.	Nuôi trồng thủy sản biển	0321
95.	Nuôi trồng thủy sản nội địa	0322
96.	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt	1010
97.	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản	1020
98.	Chế biến và bảo quản rau quả	1030
99.	Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu	1079
100.	May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)	1410
101.	Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ	1610
102.	In ấn	1811
103.	Dịch vụ liên quan đến in (Trừ rập khuôn tem)	1812
104.	Sản xuất sản phẩm từ plastic	2220
105.	Sản xuất sản phẩm chịu lửa	2391
106.	Sản xuất sản phẩm gốm sứ khác	2393
107.	Sản xuất các cấu kiện kim loại	2511
108.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
109.	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Sản xuất đồ dùng bằng kim loại cho nhà bếp, nhà vệ sinh và nhà ăn	2599
110.	Sản xuất linh kiện điện tử	2610
111.	Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính	2620
112.	Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng	2640
113.	Sản xuất thiết bị và dụng cụ quang học	2670
114.	Sản xuất dây, cáp điện và điện tử khác	2732
115.	Sản xuất thiết bị dây dẫn điện các loại	2733

116.	Sản xuất thiết bị điện chiếu sáng	2740
117.	Sản xuất đồ điện dân dụng	2750
118.	Sản xuất thiết bị điện khác	2790
119.	Sản xuất động cơ, tua bin (trừ động cơ máy bay, ô tô, mô tô và xe máy)	2811
120.	Sản xuất máy bơm, máy nén, vòi và van khác	2813
121.	Sản xuất bi, bánh răng, hộp số, các bộ phận điều khiển và truyền chuyển động	2814
122.	Sản xuất lò nướng, lò luyện và lò nung	2815
123.	Sản xuất các thiết bị nâng, hạ và bốc xếp	2816
124.	Sản xuất máy móc và thiết bị văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính)	2817
125.	Sản xuất dụng cụ cầm tay chạy bằng mô tơ hoặc khí nén	2818
126.	Sản xuất máy thông dụng khác	2819
127.	Sản xuất máy nông nghiệp và lâm nghiệp	2821
128.	Sản xuất máy công cụ và máy tạo hình kim loại	2822
129.	Sản xuất máy luyện kim	2823
130.	Sản xuất máy khai thác mỏ và xây dựng	2824
131.	Sản xuất máy chế biến thực phẩm, đồ uống và thuốc lá	2825
132.	Sản xuất máy cho ngành dệt, may và da	2826
133.	Sản xuất máy chuyên dụng khác	2829
134.	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	3100
135.	Sản xuất đồ chơi, trò chơi	3240
136.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
137.	Sửa chữa thiết bị điện	3314
138.	Sửa chữa thiết bị khác	3319
139.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
140.	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	3600
141.	Thoát nước và xử lý nước thải	3700

6. Vốn điều lệ: 1.000.000.000 VNĐ

7. Thông tin về chủ sở hữu:

Họ và tên: PHẠM HỒNG NHẬT

Giới tính: Nam

Sinh ngày: 06/12/1987

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 151651362

Ngày cấp: 26/11/2013

Nơi cấp: Công an tỉnh Thái Bình

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn An Thái, Xã Lê Lợi, Huyện Kiến Xương, Tỉnh Thái Bình, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Thôn An Thái, Xã Lê Lợi, Huyện Kiến Xương, Tỉnh Thái Bình, Việt Nam

8. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: PHẠM HỒNG NHẬT

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 06/12/1987

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 151651362

Ngày cấp: 26/11/2013

Nơi cấp: Công an tỉnh Thái Bình

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn An Thái, Xã Lê Lợi, Huyện Kiến Xương, Tỉnh Thái Bình, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Thôn An Thái, Xã Lê Lợi, Huyện Kiến Xương, Tỉnh Thái Bình, Việt Nam

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội